

Số: 02/KH-MNHH3

Đông hoà, ngày 08 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC **Năm học: 2025-2026**

- Căn cứ quyết định 640/QĐ-UBND ngày 09/8/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với GDMN, Giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Căn cứ công văn số 1967/SGDĐT-GDMN ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 đối với GDMN.
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Trường Mầm non Hoa Hồng 3 đề ra kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026, bộ phận chuyên môn thực hiện một số hoạt động trong năm học cụ thể như sau:

I/ THÔNG TIN VỀ TRƯỜNG::

- Trường Mẫu giáo Hoa Hồng 3 được xây dựng tại Khu phố Đông A, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh gồm 20 lớp đều học bán trú. Tổng số cháu là 790 cháu.

➤ Cơ sở ấp Đông A : 20 lớp gồm : 2 nhà trẻ + 5 mầm + 6 chồi + 7 lá.

*Khối nhà trẻ : 02 lớp SS: 57 cháu

A/ PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG:

* Đội ngũ

- Tổng số cán bộ - giáo viên – nhân viên: 73

Trong đó biên chế:

- Hợp đồng dài hạn:
- Trình độ chuyên môn
- BGH:03 (3 ĐHSP)
- Giáo viên: 42 (ĐH: 37; CĐ:04; TC:01 và trong đó đang theo học ĐHSP là:04
- Bảo vệ :03
- Phục vụ:02
- Y tế: 01(Đại học điều dưỡng)
- Kế toán: 01(Đại học kế toán)
- Văn thư: 01
- Cấp dưỡng: 20

* Qui mô nhóm, lớp:

- Ưu tiên huy động tối đa và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho trẻ 5 tuổi đến trường.
- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi đến lớp đạt ít nhất trên 98% tỷ lệ huy động chung so với trẻ trong độ tuổi và 100% trẻ được học bán trú.

* Công tác phát triển số lượng:

- Trường gồm có 20 lớp đều học bán trú. Tổng số cháu là 790 cháu.
- Cơ sở ấp Đông A : 20 lớp gồm : 2 nhà trẻ + 5 mầm + 6 chồi + 7 lá.
- Chia 4 khối tuổi

*Khối nhà trẻ : 01 lớp SS: 57 h/s

- Nhóm 1A : 27 cháu
 - GV : Nguyễn Thị Thanh Trúc (TTTKNT) + Nguyễn Thị Hồng Vân
- Nhóm 1B : 30 cháu
 - GV: Võ Ngọc Lan Hương + Vũ Thị Kim Oanh

*Khối mầm : 05 lớp SS: 157 h/s

- Mầm 1 : 30 cháu
 - GV : Lâm Thị Châu Oanh (TTTKM) + Ngô Thị Quý Dung
- Mầm 2 : 30 cháu
 - GV : Trần Ngọc Giàu + Nguyễn Thị Thu Hương
- Mầm 3 : 30 cháu
 - GV : Thiều Thị Hoa + Nguyễn Thị Mỹ Duyên
- Mầm 4 : 31 cháu
 - GV: Trịnh Thị Lan Phương (TPTKM) + Mai Thị Liên
- Mầm 5 : 31 cháu
 - GV: Nguyễn Thị Lan + Lê Thị Hiền

* Khối chồi : 6 lớp SS : 266 cháu

- Chồi 1 : 40 cháu
 - GV : Trần Thị Kim Hòa (TTTKC) + Mã Thị Châu
 - Chồi 2 : 54 cháu
 - GV : Lương Thị Khuê + Nguyễn Thị Hồng Vinh + Nguyễn Thị Hương
- Chồi 3 : 39 cháu
 - GV : Mai Thị Hoàng Lan + Phạm Thị Thuỳ Linh
- Chồi 4 : 39 cháu
 - GV : Ngô Nguyễn Thanh Trúc (TPTKC) + Châu Thị Hồng Sương
- Chồi 5 : 40 cháu
 - GV : Lê Thị Tân + Nguyễn Thị Khuyên
- Chồi 6 : 54 cháu
 - GV : Lường Thị Vân + Võ Thị Trang + Phan Thị Thuý Hằng

*Khối lá : 7 lớp SS: 315 cháu

- Lá 1 : 45 cháu
 - GV : Nguyễn Thị Quỳnh Trang + Lê Thị Hoà
- Lá 2 : 46 cháu
 - GV : Võ Thị Thu (TPKL) + Đỗ Thanh Tuyết
- Lá 3 : 43 cháu
 - GV : Dương Mỹ Tiên + Nguyễn Thị Hiền
- Lá 4 : 44 cháu
 - GV : Trần Thị Ngân + Mai Lệ Nhiên
- Lá 5 : 46 cháu
 - GV : Đặng Thị Hoa (TTTKL) + Nguyễn Thị Ngọc Dung
- Lá 6 : 46 cháu
 - GV : Phạm Thị Linh + Nguyễn Thị Hà
- Lá 7 : 45 cháu
 - GV : Nguyễn Thị Hương + Nguyễn Thị Thu Hiền

B/ PHẦN II: MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I/ MỤC TIÊU CHUNG:

- Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật.

5. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

II/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

1/ KHỐI NHÀ TRẺ:

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Phát triển vận động	
Mục tiêu 1: Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay : Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn : Cúi về phía trước , nghiêng người sang 2 bên, vịn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân .
Mục tiêu 2: Trẻ biết thực hiện vận động cơ bản ban đầu của bò, đi.	- Bò thẳng hướng - Bò cao thẳng hướng - Đi theo hướng thẳng - Đi trong đường zíc zắc
Mục tiêu 3: Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong vận động bò, đi.	- Bò có mang vật trên lưng - Bò trong đường hẹp - Đi theo đường ngoằn ngoèo

Mục tiêu 4: Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản đi, đứng bằng 1 chân và phát triển tố chất vận động ban đầu	- Đi trong đường hẹp - Đi theo hiệu lệnh - Đi bước qua gậy kê cao 5 cm - Đi bước vào các ô - Đứng co 1 chân
Mục tiêu 5: Trẻ thể hiện được sự khéo léo trong các vận động cơ bản đi	- Đi bằng mũi bàn chân - Đi có mang vật trên tay - Đi trên ghế thể dục
Mục tiêu 6: Trẻ thực hiện được các vận động đi, chạy, nhún bật và ném xa bằng 1 tay	- Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. - Chạy theo hướng thẳng - Bật nhảy tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay
Mục tiêu 7: Trẻ thực hiện các vận động cơ bản bò, ném, tung bóng và phát triển tố chất vận động ban đầu	- Ném xa bằng 1 tay - Ném bóng về phía trước - Bò qua vật cản cao 10-15 cm - Bò chui qua cổng
Mục tiêu 8: Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay, chân – mắt trong vận động bò; tung – bắt bóng với cô khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1- 1,2m.	- Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; - Ném bóng trúng đích - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Bò bằng bàn tay, bàn chân
Mục tiêu 9: Trẻ thể hiện sự khéo léo, nhanh nhẹn trong vận động.	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: + Chạy trong đường hẹp + Chạy theo đường ngoằn ngoèo. + Bước lên xuống bậc cao 25 cm + Đi theo hàng dọc
Mục tiêu 10: Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động nhún bật, ném bóng, đá bóng.	- Đá bóng về phía trước. - Ném bóng về phía trước. - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân.
Mục tiêu 11: Trẻ thực hiện được vận động trườn và bài tập tổng hợp	- Trườn về phía trước - Bò chui qua cổng và đi trên ghế thể dục - Chạy trong đường hẹp và tung bóng lên cao.
Mục tiêu 12: Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Nhón nhặt đồ vật.

trong một số hoạt động	- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
Mục tiêu 13: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi	- Cân nặng: + Trẻ trai: 11,3 – 18,3kg. + Trẻ gái: 10,8 – 18,1kg - Chiều cao (cm): + Trẻ trai: 88,4 – 103,5 cm + Trẻ gái: 87,4 – 102,7 cm.
Mục tiêu 14: Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Luyện tập nề nếp có thói quen ăn uống tốt.
Mục tiêu 15: Trẻ có thói quen ngủ 1 giấc ngủ trưa	- Luyện có thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Rèn thói quen ngủ đúng giờ và thức dậy đúng giờ.
Mục tiêu 16: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Dạy trẻ biết thể hiện nhu cầu khi muốn đi vệ sinh - Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.
Mục tiêu 17: Trẻ biết làm 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống,...)	Dạy trẻ một số việc tự phục vụ: - Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh , cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.
Mục tiêu 18: Trẻ biết tránh 1 số vận dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Nhận biết 1 số vận dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. -Biết tránh xa những nơi nguy hiểm và những vật dụng gây nguy hiểm - Biết vâng lời người lớn, không làm những hành động nguy hiểm
Mục tiêu 19: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra nắng; đi giày dép;mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Trẻ nhận biết được thời tiết và hợp tác với người lớn những nhu cầu cá nhân khi thời tiết thay đổi. - Tập các thao tác: đội mũ khi đi ra nắng; đi giày, dép; mặc quần áo...
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
a. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
Mục tiêu 20:	- Dạy trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cất giấu.

Trẻ biết quan sát, sờ, nắn, nghe , ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng, hiện tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Quan sát, sờ nắn, nghe, ngửi... đối tượng để nhận biết đặc điểm nổi bật. -Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn)- xù xì. -Ném vị của 1 số thức ăn, quả (ngọt- mặn – chua) -Quan sát nhận biết các hiện tượng.
b. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi	
Mục tiêu 21: Trẻ nói được tên và 1 số đặc điểm nổi bật của đối tượng (đồ vật, hoa, quả, con vật, PTGT...) quen thuộc và một số hiện tượng tự nhiên.	-Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng của đ/d, đ/c quen thuộc - Dạy trẻ nói được tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi. - Tên và 1 số đặc điểm nổi bật con vật, rau, hoa, quả, quen thuộc - Biết được môi trường sống, ích lợi của các con vật, cây cối, rau củ - Nhận biết hiện tượng tự nhiên; sự thay đổi của thời tiết mùa hè.
Mục tiêu 22: Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi ở trường, lớp của trẻ.	- Dạy trẻ nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.
Mục tiêu 23: Trẻ nói được tên chức năng của 1 số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Trẻ nhận biết và nói được tên một số bộ phận trên cơ thể khi được hỏi. - Dạy trẻ biết chức năng chính 1 số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, chân.
Mục tiêu 24: Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày	Biết 1 số thức ăn quen thuộc: cơm, cháo, canh...
Mục tiêu 25: Trẻ biết sử dụng 1 số đồ chơi quen thuộc.	- Dạy trẻ bắt chước 1 số hành động quen thuộc của những người gần gũi. - Tên đ/c của bản thân và của nhóm lớp - Dạy trẻ cách sử dụng 1 số đồ chơi quen thuộc.
Mục tiêu 26: Trẻ biết chơi bắt chước 1 số hành động quen thuộc của những	- Dạy trẻ bắt chước 1 số hành động quen thuộc của những người gần gũi. - Tên đ/d của bản thân và của nhóm lớp

người gần gũi. Sử dụng được 1 số đồ dùng, quen thuộc.	- Dạy trẻ cách sử dụng 1 số đồ dùng quen thuộc.
Mục tiêu 27: Trẻ nói được tên những người gần gũi trong gia đình khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình
Mục tiêu 28: Trẻ biết tên, công việc, đặc điểm bên ngoài của các cô, các bác trong trường MN.	- Tên gọi, đặc điểm bên ngoài của các bác, các cô trong trường MN - Công việc của các bác, các cô trong trường MN
Mục tiêu 29: Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đ/c có hình dạng tròn- vuông	- Nhận biết, gọi tên hình tròn, hình vuông
Mục tiêu 30: Trẻ biết tìm đồ vật bị cất giấu	Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.
Mục tiêu 31: Trẻ biết chỉ /nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đ/c màu đỏ /vàng /vàng / xanh theo yêu cầu.	- Dạy trẻ gọi tên m/xanh, m/đỏ m/vàng. - Trẻ nhận biết và phân biệt được màu xanh, đỏ, vàng. - Chỉ, nói tên lấy hoặc cất đúng đồ dùng, đồ chơi màu đỏ, vàng, xanh theo yêu cầu.
Mục tiêu 32: Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đ/c có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	Dạy trẻ nhận biết những đồ vật có kích thước to – nhỏ, phân biệt to- nhỏ. - Chỉ, nói tên lấy hoặc cất đúng đồ dùng, đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.
Mục tiêu 33: Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đối tượng có số lượng 1 và nhiều theo yêu cầu.	Dạy trẻ nhận biết phân biệt: Một và nhiều
Mục tiêu 34: Trẻ biết xác định được vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.	Dạy trẻ xác định vị trí: trên- dưới; trước- sau so với bản thân trẻ.
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ- giao tiếp \\	

Mục tiêu 35: Trẻ biết nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe hiểu lời nói và thực hiện theo yêu cầu của người lớn
Mục tiêu 36: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 -3 hành động.	- Nghe và thực hiện nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. VD “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”.
Mục tiêu 37: Trẻ trả lời các câu hỏi: “ai đây?”; “cái gì đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?”	Dạy trẻ biết nghe và trả lời các câu hỏi: “ai đây?”; “cái gì đây?”; “...để làm gì?”; “...như thế nào?”
Mục tiêu 38: Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau
Mục tiêu 39: Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe, đọc các bài thơ, đoạn thơ ngắn phù hợp với độ tuổi. - Dạy trẻ đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng.
Mục tiêu 40: Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các câu truyện ngắn. - Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong truyện - Lắng nghe khi người lớn đọc sách - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
Mục tiêu 41: Trẻ biết sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Dạy trẻ biết lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
Mục tiêu 42: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật trong tranh(Cô hiệu trưởng, cô hiệu phó, cô giáo, bác cấp dưỡng...), sự vật, hành động gần gũi trong tranh
Mục tiêu 43: Trẻ biết hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật được hành động quen thuộc trong giao tiếp
Mục tiêu 44:	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2

Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	câu đơn giản và câu dài. - Chào hỏi trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?” ; “Cái gì đây?”...
Mục tiêu 45: Trẻ biết nói to, đủ nghe	- Nói rõ các âm, các tiếng - Dạy trẻ nói to, rõ ràng, không ngọng
Mục tiêu 46: Trẻ biết xem tranh, gọi tên các PTGT quen thuộc	- Nói tên, đặc điểm các PTGT
Mục tiêu 47: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ hiện tượng thời tiết.	- Gọi tên một số hiện tượng thời tiết của mùa hè
Mục tiêu 48: Trẻ thể hiện được nhu cầu, mong muốn và hiểu bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	Trẻ nói được các từ ngắn thể hiện nhu cầu, mong muốn của bản thân.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.	
Mục tiêu 49: Trẻ biết thể hiện 1 số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé , nghe điện thoại..)	- Dạy trẻ tập sử dụng đồ chơi, thao tác và đóng vai. - Trẻ tập làm, thể hiện, nhập vai để tham gia chơi trong hoạt động chơi ở các khu vực chơi.
Mục tiêu 50: Trẻ nói được một vài thông tin về mình.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (tên, tuổi, giới tính) - Nói được sở thích của bản thân.
Mục tiêu 51: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Dạy trẻ biết nói lên được mong muốn, nhu cầu của bản thân
Mục tiêu 52: Trẻ nói được sở thích cá nhân của mình.	- Nói được sở thích của bản thân.
Mục tiêu 53: Trẻ biết chào tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ	Trẻ thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “Dạ” , “vâng ạ” ; chơi cạnh bạn.
Mục tiêu 54:	- Trẻ quan tâm đến các vật nuôi.

Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với 1 số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi	- Trẻ yêu thích con vật, biết bắt chước tiếng kêu, hình dáng của con vật theo hướng dẫn của cô.
Mục tiêu 55: Trẻ thực hiện 1 số yêu cầu của người lớn	Thực hiện 1 số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
Mục tiêu 56: Trẻ biết chú ý nghe cô nói, bạn nói	- Chú ý nghe cô nói, bạn nói, không cắt ngang khi người khác đang nói
Mục tiêu 57: Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác	Chơi thân với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
Mục tiêu 58: Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói.	- Dạy trẻ giao tiếp với những người xung quanh; trẻ thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. - Chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn
Mục tiêu 59: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ	Dạy trẻ biết biểu lộ trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận qua nét mặt, cử chỉ.
Mục tiêu 60: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo 1 vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.
Mục tiêu 61: Trẻ thích tô, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	-Trẻ vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn , xé, vò, xếp hình -Xem tranh.

2/ KHỐI MÀM:

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tổ chắt vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

❖ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

❖ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

❖ PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

❖ PHÁT TRIỂN THẨM MỸ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

II- MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

* KHỐI MÀM:

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1	MT1	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiềng gót liên tục 3m.
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dẫn) không chệch ra ngoài.
4	MT4	2.3. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò, trườn trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. - Bước lên xuống bậc cao - Bật nhảy
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
6	MT6	3.1. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đang ngón tay vào nhau.
7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm.

		- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
8	MT8	1.1. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).
9	MT9	1.2. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...
10	MT10	1.3. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
11	MT11	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo...
12	MT12	2.2. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
13	MT13	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...
14	MT14	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
15	MT15	4.1. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.
16	MT16	4.2. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.
17	MT17	4.3. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
II. Giáo dục phát triển nhận thức		
a) Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
18	MT18	1.1. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.

19	MT19	1.2. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.
20	MT20	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.
21	MT21	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.
22	MT22	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.
23	MT23	1.3. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Hoa giấy nở trong nước
24	MT24	1.5. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
25	MT25	2. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
26	MT26	3.1. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.
27	MT27	3.2. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm, số lượng		
28	MT28	1.1. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
29	MT29	1.2. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.
30	MT30	1.3. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
31	MT31	1.4. Biết tách, gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.
2. Sắp xếp theo qui tắc		
32	MT32	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.
3. So sánh hai đối tượng		
33	MT33	3. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau,...
4. Nhận biết hình dạng		
34	MT34	4. Nhận dạng màu sắc, kích thước, hình dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật...

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
35	MT35	5. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
36	MT36	1.2. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.
37	MT37	1.3. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện về ngôi nhà, đồ dùng trong gia đình, xem ảnh về gia đình.
38	MT38	1.4. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
39	MT39	2. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
40	MT40	3.1. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.
41	MT41	3.2. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
42	MT42	1.1. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.
43	MT43	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, ngày tết, quả...
44	MT44	1.3. Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
45	MT45	2.1. Nói rõ các tiếng.
46	MT46	2.2. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...
47	MT47	2.3. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.
48	MT48	2.4. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
49	MT49	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...
50	MT50	2.6. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.
51	MT51	2.7. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.
52	MT52	2.8. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.
53	MT53	2.9. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
3. Làm quen với đọc, viết		
54	MT54	3.1. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.
55	MT55	3.2. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.

56	MT56	3.3. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
57	MT57	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.
58	MT58	1.2. Nói được điều bé thích, không thích.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
59	MT59	2.1. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.
60	MT60	2.2. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...).
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
61	MT61	3.1. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.
62	MT62	3.2. Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói
63	MT63	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.
64	MT64	3.4. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
65	MT65	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.
66	MT66	4.2. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.
67	MT67	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.
68	MT68	4.4. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.
5. Quan tâm đến môi trường		
69	MT69	5.1. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.
70	MT70	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
71	MT71	1.1. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.
72	MT72	1.3. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
73	MT73	1.2. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
74	MT74	2.1. Hát tự nhiên, hát, đúng giai điệu, lời ca bài hát.được theo giai điệu bài hát quen thuộc, theo đa văn hóa

75	MT75	2.2. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).
76	MT76	2.3. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.
77	MT77	2.4. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tô màu tạo thành bức tranh đơn giản.
78	MT78	2.5. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.
79	MT79	2.6. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.
80	MT80	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
81	MT81	3.1. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
82	MT82	3.2. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
83	MT83	3.3. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
84	MT84	2.7. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.

II/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

▪ 3/ KHỐI CHƠI:

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

4. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ:

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật: có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

5. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất		
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1	MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.
2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động		
2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).
4	MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. - Chuyên bóng

5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Chạy - nhảy - ném - Bật - nhảy - ném
6	MT6	<i>Giúp trẻ phát triển các tố chất nhanh mạnh, dẻo dai và sức mạnh của cơ bắp chân: Bật, nhảy</i>
7	MT7	<i>Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay và chân - mắt để trườn, trèo, bò, bắt bóng, lăn bóng</i> <i>+ trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục</i> <i>+ trườn sấp theo hướng thẳng kết hợp chui qua cổng 6- 8 m</i>
3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
8	MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
9	MT9	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
10	MT10	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
11	MT11	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
12	MT12	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
13	MT13	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		

14	MT14	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.
15	MT15	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.
16	MT16	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
17	MT17	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.

II. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

18	MT18	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?....
19	MT19	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.
20	MT20	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
21	MT21	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
22	MT22	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản

23	MT23	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”
24	MT24	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

25	MT25	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
26	MT26	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

1. Nhận biết số đếm, số lượng

27	MT27	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...
28	MT28	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.
29	MT29	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
30	MT30	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10
31	MT31	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.
32	MT32	1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.
33	MT33	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
2. Sắp xếp theo qui tắc		
34	MT34	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.
3. So sánh hai đối tượng		
35	MT35	3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.
4. Nhận biết hình dạng		
36	MT36	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật, ...).
37	MT37	4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
38	MT38	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.
39	MT39	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
40	MT40	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
41	MT41	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
42	MT42	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
43	MT43	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
44	MT44	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
45	MT45	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
46	MT46	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
47	MT47	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.
48	MT48	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa

		phương.
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ		
1. Nghe hiểu lời nói		
49	MT49	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.
50	MT50	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
51	MT51	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
52	MT52	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.
53	MT53	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...
54	MT54	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. - Trẻ hiểu, sáng tạo nội dung câu chuyện qua tranh, đồ vật hoặc lời gợi mở của cô. Biết tên gọi nhân vật, biết sắp xếp các tình tiết theo thứ tự hợp lý.
55	MT55	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.
56	MT56	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...
57	MT57	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.
58	MT58	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.
59	MT59	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.
60	MT60	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
3. Làm quen với đọc, viết		
61	MT61	3.1. Chọn sách để xem. 3.2. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).
62	MT62	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.
63	MT63	3.3. Làm quen 24 chữ cái tiếng việt, phân biệt được chữ cái có nét tương tự. - Biết phát âm đúng tên chữ cái, biết 1 số từ bắt đầu bằng chữ cái đã học
64	MT64	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...
65	MT65	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...
IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
66	MT66	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.
67	MT67	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
68	MT68	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.
69	MT69	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
70	MT70	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời

		nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
71	MT71	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.
72	MT72	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.
73	MT73	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
74	MT74	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
75	MT75	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.
76	MT76	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
77	MT77	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.
78	MT78	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.
79	MT79	4.5. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).
5. Quan tâm đến môi trường		
80	MT80	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.
81	MT81	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.
82	MT82	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.
83	MT83	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
84	MT84	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
85	MT85	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện
86	MT86	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
87	MT87	1.4 Giới thiệu âm nhạc quanh thế giới (Bài hát, điệu nhac đơn giản từ các nước: Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn độ, Châu Phi, Châu Âu...) - Biết tên gọi các loại nhạc cụ dân tộc, nhạc cụ thế giới (Việt Nam: Đàn tranh, trống cơm, guitar, piano..., Thế giới: Trống djembe (Châu Phi)... - Trang phục và điệu múa truyền thống (Áo dài Việt Nam, áo bà ba, Kimono Nhật Bản, Sari Ấn độ...) 1.5 Lễ hội âm nhạc bốn phương (Trung Thu: Việt Nam, Tết: Trung Quốc, lễ hội Holi: Ấn độ, Giáng sinh: Phương Tây, Samba: Brazil... - Âm nhạc và thiên nhiên, âm nhạc và trò chơi dân gian (Âm thanh mô phỏng mưa, gió, chim hót trong văn hoá các nước. Hát đồng dao Việt Nam, so sánh

		<i>bài hát vui chơi của thiếu nhi nước khác</i>
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
88	MT88	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...
89	MT89	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).
90	MT90	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.
91	MT91	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.
92	MT92	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.
93	MT93	2.6. Làm lổm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
94	MT94	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.
95	MT95	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
96	MT96	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.
97	MT97	3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.
98	MT98	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
99	MT99	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

III/ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

▪ 4/ KHỐI LÁ:

I/ MỤC TIÊU CHUNG:

- Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 5 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT:

- Các cháu đều khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của sự ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

❖ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

❖ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

❖ PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực....
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số qui tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

❖ PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

STT	Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung – Hoạt động giáo dục
I. Giáo dục phát triển thể chất			
a) Phát triển vận động			
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp			
1	MT1	1. Thực hiện đúng, thuần thục	Hoạt động khác:

	các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	* Tuần 1: Tập theo bài hát "Cả tuần đều ngoan" * Động tác: Thở 1, TV 1, BL1, C1, B1. - Thở 1: Gà gáy - Tay vai 1: Hai tay đưa ra trước, gập khuỷu tay trước ngực - Bụng lườn 1: Cúi gập người về trước, tay chạm mũi chân - Chân 1: Ngồi xõm đứng lên liên tục - Bật 1: Bật tiến về phía trước * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. Tuần 2: Thở 1, TV 2, BL1, C1, B1. - Tập kết hợp bài hát " Trường chúng cháu là trường mầm non " - Đổi động tác: TV2: Hai tay đưa ra trước, lên cao * Tuần 3: Thở 1, TV 2, BL2, C1, B1. - Tập kết hợp bài hát " Em đi mẫu giáo" Đổi động tác: BL2: Đứng quay người sang bên * Tuần 4: Tập theo bài hát "Chiếc đèn ông sao" * Động tác: Thở 2, TV 2, BL2, C1, B1. - Thở 2: Thổi bóng bay - Tay vai 2: Hai tay đưa ra trước, lên cao - Bụng lườn 2: Đứng quay người sang 2 bên - Chân 1: Ngồi xõm đứng lên liên tục - Bật 1: Tiến về phía trước * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. Tuần 5 : Thở 2, TV 2, BL2, C2, B1. - Tập kết hợp bài hát " Năm ngón tay ngoan " - Đổi động tác: chân 2: Ngồi khụy gối * Tuần 6: Thở 2, TV 2, BL2, C2, B2.
--	--	--

		- Tập kết hợp bài hát " Thật đáng yêu" Đổi động tác: Bật 2; Bật tách, khép chân. * Tuần 7: Tập theo bài hát "Cả nhà thương nhau" * Động tác: Thở 2, TV 2, BL3, C2, B2. - Thở 2: Thổi bóng bay - Tay vai 2: Hai tay đưa ra trước, lên cao. - Bụng lườn 3: Đứng nghiêng người sang bên - Chân 2: Ngồi khụy gối - Bật 2: Bật tách chân, khép chân * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. Tuần 8 :Thở 2, TV 2, BL3, C3, B2. - Tập kết hợp bài hát" Cháu yêu bà" - Đổi động tác: Chân 3 " Đứng đưa 1 chân ra phía trước, lên cao" * Tuần 9: Thở 3, TV 2, BL3, C3, B2. - Tập kết hợp bài hát " Múa cho mẹ xem" Đổi động tác:Thở 3: Thổi nơ bay * Tuần 10: Tập theo bài hát "Em yêu cây xanh" * Động tác: Thở 3, TV 3, BL3, C3, B2. - Thở 3: Thổi nơ bay - Tay vai 3: Hai tay đưa ngang, gập khuỷu tay - Bụng lườn 3: Đứng nghiêng người sang 2 bên - Chân 3: Đưa chân ra phía trước, lên cao - Bật 2: Bật tách chân, khép chân * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. Tuần 11 :Thở 3, TV 3, BL3, C3, B3. - Tập kết hợp bài hát " Hoa trường em " - Đổi động tác: Bật 3: Nhảy chân sáo * Tuần 12: Thở 3, TV 4, BL3, C3, B3. - Tập kết hợp bài hát " Quà thị" - Đổi động tác: Tay vai 4: Hai tay gập
--	--	--

			trước ngực quay cẳng tay và đưa ngang. * Tuần 13: Thở 3, TV 4, BL4, C3, B3. - Tập kết hợp bài hát " Trồng cây" - Đổi động tác: Bụng lườn 4: Đứng đan tay sau lưng, gập người về phía trước. * Tuần 14: Tập theo bài hát "Em muốn làm" * Động tác: Thở 3, TV 4, BL4, C4, B3. - Thở 3: Thổi nơ bay - Tay vai 4: Hai tay gập trước ngực, quay cẳng tay và đưa ngang - Bụng lườn 4: Đứng đan tay sau lưng, cúi gập người về phía trước. - Chân 4: Bước khuyu một chân về phía trước, chân sau thẳng. - Bật 3: Nhảy chân sáo * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. Tuần 15 :Thở 4, TV 4, BL4, C4, B3. - Tập kết hợp bài hát " Cô và mẹ " - Đổi động tác: Thở 4: Tiếng còi tàu * Tuần 16: Thở 4, TV 4, BL4, C4, B4. - Tập kết hợp bài hát " Lớn lên cháu lái máy cày" - Đổi động tác: Bật 4: Bật luân phiên chân trước, chân sau. * Tuần 17:Thở 4, TV 5, BL4, C4, B4. - Tập kết hợp bài hát " Cháu yêu cô chú công nhân" - Đổi động tác: Tay vai 5: Hai tay thay nhau quay dọc thân. * Tuần 18:Thở 4, TV 5, BL5, C4, B4. - Tập kết hợp bài hát " Cháu thương chú bộ đội" - Đổi động tác: Bụng lườn 5: Ngồi duỗi chân, tay chống sau, đưa chân lên cao, hạ xuống.
--	--	--	---

		* Tuần 19: Tập theo bài hát " Cho tôi đi làm mưa với" * Động tác: Thở 4, TV 5, BL5, C5, B4. - Thở 4: Tiếng còi tàu - Tay vai 5: Hai tay thay nhau quay dọc thân - Bụng lườn 5: Ngồi duỗi chân, tay chống sau, đưa chân lên cao, hạ xuống. - Chân 5: Bước khụy chân trái sang bên trái, chân phải thẳng - Bật 4: Nhảy chân sáo * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. *Tuần 20 :Thở 5, TV 5, BL5, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Nắng sớm " - Đổi động tác: Thở 5: Máy bay * Tuần 21: Tập theo bài hát " Sắp đến tết rồi" * Động tác: Thở 5, TV 6, BL5, C5, B4. - Thở 5: Máy bay - Tay vai 6: Các ngón tay đan nhau, co duỗi tay ra trước. - Bụng lườn 5: Ngồi duỗi chân, tay chống sau, đưa chân lên cao, hạ xuống. - Chân 5: Bước khụy chân trái sang bên trái, chân phải thẳng - Bật 4: Nhảy chân sáo * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. *Tuần 22 :Thở 5, TV 6, BL6, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Tết đến rồi " - Đổi động tác: Bụng lườn 6: Ngồi duỗi chân, quay người sang 2 bên * Tuần 23: Tập theo bài hát " Chú voi con" * Động tác: Thở 6, TV 6, BL6, C5, B4. - Thở 6: Đưa 2 tay lên cao hít vào, hạ xuống thở ra.
--	--	--

		- Tay vai 6: Các ngón tay đan nhau, co duỗi tay ra trước. - Bụng lườn 6: Ngồi duỗi chân, quay người sang 2 bên. - Chân 5: Bước khụy chân trái sang bên trái, chân phải thẳng - Bật 4: Nhảy chân sáo * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. *Tuần 24 :Thở 6, TV 6, BL5, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Chú ếch con " - Đổi động tác: Bụng lườn 5: Ngồi duỗi chân, tay chống sau, đưa chân lên cao hạ xuống. *Tuần 25 :Thở 6, TV 5, BL5, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Con chim non " - Đổi động tác: Tay vai 5: Hai tay thay nhau quay dọc thân. *Tuần 26 :Thở 6, TV 5, BL5, C4, B4. - Tập kết hợp bài hát " Con chim non " - Đổi động tác: Bước khụy một chân về phía trước, chân sau thẳng. * Tuần 27: Tập theo bài hát " Anh phi công ơi" * Động tác: Thở 5, TV 5, BL5, C4, B4. - Thở 5: Máy bay - Tay vai 5: Hai tay thay nhau quay dọc thân. - Bụng lườn 5: Ngồi duỗi chân, tay chống sau, đưa chân lên cao hạ xuống. - Chân 4: Bước khụy một chân về phía trước, chân sau thẳng. - Bật 4: Nhảy chân sáo * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. *Tuần 28 :Thở 5, TV 5, BL5, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Em làm công an tí hon".
--	--	---

		- Đổi động tác: Chân 5: Bước khụy chân trái sang bên trái, chân phải thẳng. *Tuần 29 :Thở 5, TV 5, BL6, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Em đi qua ngã tư đường phố " - Đổi động tác: Bụng lườn 6: Ngồi duỗi chân, quay người sang 2 bên. * Tuần 30: Tập theo bài hát "Em về thăm quê" * Động tác: Thở 6, TV 5, BL6, C5, B4. - Thở 6: Đưa 2 tay lên cao hít vào, hạ xuống thở ra. - Tay vai 5: Hai tay thay nhau quay dọc thân. - Bụng lườn 6: Ngồi duỗi chân, quay người sang 2 bên. - Chân 5: Bước khụy chân trái sang bên trái, chân phải thẳng - Bật 4: Nhảy chân sáo * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. *Tuần 31 :Thở 6, TV 5, BL5, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Quê hương tươi đẹp". - Đổi động tác: Bụng lườn 5: Ngồi duỗi chân, tay chống sau, đưa chân lên cao hạ xuống. *Tuần 32 :Thở 6, TV 5, BL6, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Quê hương tươi đẹp". - Đổi động tác: Bụng lườn 6: Ngồi duỗi chân, quay người sang 2 bên. *Tuần 33 :Thở 6, TV 6, BL6, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Những khúc nhạc hồng". - Đổi động tác: Bụng lườn 6: Ngồi duỗi chân, quay người sang 2 bên.
--	--	---

		* Tuần 34: Tập theo bài hát "Cả tuần đều ngoan" * Động tác: Thở 6, TV 5, BL6, C5, B4. - Thở 6: Đưa 2 tay lên cao hít vào, hạ xuống thở ra. - Tay vai 5: Hai tay thay nhau quay dọc thân. - Bụng lườn 6: Ngồi duỗi chân, quay người sang 2 bên. - Chân 5: Bước khụy chân trái sang bên trái, chân phải thẳng - Bật 4: Nhảy chân sáo * Hồi tĩnh: Đi vòng tròn, hít thở. *Tuần 35 :Thở 6, TV 6, BL6, C5, B4. - Tập kết hợp bài hát " Đi học về". - Đôi động tác: Tay vai 6: Các ngón tay đan nhau, co duỗi tay trước ngực.
--	--	--

2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động

2	MT2	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.	Hoạt động học: - Trèo lên xuống thang - Đi trên ghế băng đầu đội túi cát + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. +Đi nói bàn chân tiến, lùi + Đi chạy thay theo tốc độ, hướng đích dắc theo hiệu lệnh + Đi bước chéo sang ngang + Đi vừa đập, bắt bóng + Chạy chậm 100 - 120m - Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh - Ném bóng cho bạn tôi xa 4m - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 2 tay - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay
3	MT3	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	
4	MT4	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	

5	MT5	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	- Ném trúng đích thẳng đứng cao 1,5 - 2m - Ném trúng đích theo trò chơi ai nhiều điểm nhất - Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay - Lăn bóng theo đường hẹp - Đập bắt bóng tại chỗ - Chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Ném trúng đích theo trò chơi ai nhiều điểm nhất - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò đích dắc qua 5- 7 đồ vật - Bò chui qua ống dài - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m - Bò theo đường đích dắc - Bò bằng bàn tay và bàn chân - Chuyển bóng qua đầu, qua chân - Trườn kết hợp trèo qua ghế - Bật liên tục vào vòng - Bật tách, khép chân qua 7 ô - Bật xa 40 - 50 cm - Bật xa 50cm - Bật tách, chụm chân các ô cách nhau 40cm - Bật qua vật cản cao 15 - 20cm
---	-----	---	--

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt

6	MT6	3.1. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	Hoạt động học: - Vẽ, tô màu - Nặn đất sét - Sử dụng kéo cắt dán - Xé dán
7	MT7	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.	- Sắp xếp từ các nguyên vật liệu tạo hình - Sao chép chữ cái - Sao chép chữ số Hoạt động khác:

		- Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mớ tuya).	- Cởi cúc quần áo - Mở và thắt dây giày - Cởi cúc quần áo - Mở và thắt dây giày -- Tự cài, cởi cúc áo - cài quai dép. - kéo khóa quần, áo - Xâu dây hoa, xâu hạt - Xếp chồng các vật với nhau - Xâu hột hạt - Ghép hình
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			
8	MT8	1.1. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	Hoạt động học: - Những nhu cầu cần thiết của bé Hoạt động khác: - Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm (Động vật cho chúng ta thực phẩm; - giới thiệu món ăn trước các bữa ăn trong ngày - Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
9	MT9	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	
10	MT10	1.3. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt			
11	MT11	2.1. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định,	Hoạt động khác: - Tự rửa tay bằng xà phòng - Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.

		biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.
12	MT12	2.2. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Tự xúc cơm ăn, kê bàn ghế, lau bàn , trải bàn ăn, xếp muống vào đĩa chuẩn bị giờ ăn, chải tóc Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe Bữa ăn trong gia đình. - Cắt dán thực phẩm có lợi cho sức khỏe - Phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm (Động vật cho chúng ta thực phẩm; - Thực hành một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
13	MT13	3.1. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	Hoạt động khác: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.
14	MT14	3.2. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.

		- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhỏ bậy ra lớp.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh			
15	MT15	4.1. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	Hoạt động học: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - Biết không chơi gần các khu vực, đồ vật nguy hiểm như: ao hồ, ổ điện, đồ sắc nhọn... - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... - Không chơi gần các khu vực, đồ vật nguy hiểm như ao hồ, sông, điện, vật sắc nhọn... - Không chơi với lửa - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không ra ngoài khi trời mưa, không ngồi dưới gốc cây khi có sấm sét. - Không đến gần những nơi có sạt lở, nước chảy xiết - Không ăn những thức ăn bẩn, các loại quả lạ, uống nước chưa đun sôi. Hoạt động khác:
16	MT16	4.2. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	
17	MT17	4.3. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc, -Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	
18	MT18	4.4. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	

		- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	- Biết một số nguy cơ không an toàn để phòng tránh như bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.
19	MT19	4.5. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.
II. Giáo dục phát triển nhận thức			
a) Khám phá khoa học			
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng			
20	MT20	1.1. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	Hoạt động học: - Thời tiết và các mùa trong năm - Ngày và đêm - Cây xanh quanh bé - Tìm hiểu về một số loại hoa - Tìm hiểu về một số loại quả - Tìm hiểu về một số loại rau - Tìm hiểu về các giác quan của bé - Tìm hiểu một số con vật sống trên cạn - Tìm hiểu một số con vật sống dưới nước - Tìm hiểu một số con vật sống trong rừng - Tìm hiểu một số con vật sống trên cây - Tìm hiểu về các loại nhà - Tìm hiểu về một số đồ dùng gia đình.
21	MT21	1.2. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	
22	MT22	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	
23	MT23	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
24	MT24	1.5. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	
			Hoạt động khác: - Thí nghiệm sự phát triển của cây - Thí nghiệm hoa đổi màu

			- Thí nghiệm bắp cải đổi màu - Thí nghiệm nước bốc hơi
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản			
25	MT25	2.1. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	Hoạt động khác: - Thí nghiệm vật nổi, vật chìm - Thí nghiệm chất tan, không tan - Thí nghiệm vì sao nước bốc hơi - Thí nghiệm sự đổi màu của bắp cải - Thí nghiệm sự phát triển của cây - Thí nghiệm thổi bong bóng từ backing soda - Thí nghiệm nước nào nặng hơn - Thí nghiệm gió có từ đâu - Thí nghiệm sự đổi màu của nước - Những kỹ năng thoát hiểm khi có cháy - Kỹ năng phòng chống đuối nước - Kỹ năng đảm bảo an toàn
26	MT26	2.2. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau			
27	MT27	3.1. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	Hoạt động học: - Khám phá một số bộ phận cơ thể - Những nhu cầu cần thiết của bé Hoạt động khác: - Trò chơi âm nhạc: Bạn của tôi đâu? Nói xoay vòng; chiếc hộp may mắn; Nghe giới thiệu đoán đồ chơi?; Tìm đúng theo yêu cầu; Tìm bạn thân; - Câu hỏi trắc nghiệm; Chung sức; Nhìn tranh đoán vật; Ô cửa bí mật; Bắt chước tạo dáng; Câu hỏi thú vị; Nhà hùng biện tí hon; Đi chợ; Tìm bạn thân - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, - Xé dán vườn cây ăn quả
28	MT28	3.2. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	

			- Tạo hoa từ dầu vôi tay - Vẽ vườn cây ăn quả - Xé dán một số rau, củ, quả - Vẽ trang phục theo mùa, theo ý thích - Vẽ con gà trống - Xé dán đàn cá bơi - cắt dán một số con vật trong rừng
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
29	MT29	1.1. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	Hoạt động học: - Đếm từ 0 đến 10: đếm xuôi, đếm ngược. - Ôn số lượng 1.2. số 1,2 - Ôn số lượng 3. số 3 - Ôn số lượng 4 - Ôn số lượng 5 - So sánh số lượng trong phạm vi 4 - So sánh số lượng trong phạm vi 5 - So sánh số lượng trong phạm vi 6 - So sánh số lượng trong phạm vi 7 - So sánh các nhóm số lượng trong phạm vi 8 - So sánh các nhóm số lượng trong phạm vi 9 - So sánh các nhóm số lượng trong phạm vi 10 - Tách gộp trong phạm vi 3 - Tách gộp trong phạm vi 4 - Tách gộp trong phạm vi 5 - Tách gộp trong phạm vi 6 - Tách gộp trong phạm vi 7 - Tách gộp trong phạm vi 8 - Tách gộp trong phạm vi 9 - Tách gộp trong phạm vi 10 - Dạy trẻ số lượng 6. đếm đến 6. số 6 - Dạy trẻ số lượng 7. đếm đến 7. số 7
30	MT30	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	
31	MT31	1.3. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	
32	MT32	1.4. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	
33	MT33	1.5. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	
34	MT34	1.6. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	
35	MT35	1.7. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	

			Dạy trẻ số lượng 8. đếm đến 8. số 8 Dạy trẻ số lượng 9. đếm đến 9. số 9 Dạy trẻ số lượng 10. đếm đến 10. số 10 Hoạt động khác: - Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm. - Ý nghĩa các con số trong cuộc sống.
2. Sắp xếp theo quy tắc			
36	MT36	2.1. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Hoạt động học: - Xếp xếp theo quy tắc - Phát hiện quy tắc sắp xếp và xếp tiếp theo quy tắc. Hoạt động khác: - Phát hiện quy tắc sắp xếp và xếp tiếp theo quy tắc.
37	MT37	2.2. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	
38	MT38	2.3. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	
3. So sánh hai đối tượng			
39	MT39	3. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Hoạt động học: - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo so sánh diễn đạt kết quả đo - so sánh độ dài và xếp xếp theo trình tự
4. Nhận biết hình dạng			
40	MT40	4. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Hoạt động học: - Hình và các mối liên hệ giữa các hình - Phân biệt khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ
5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian			
41	MT41	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Hoạt động học: Xác định vị trí phía trên, phía trước, phía sau giữa các đối tượng - Nhận biết về thời gian (Hôm qua, hôm nay, ngày mai)
42	MT42	5.2. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	

C/ Khám phá xã hội			
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng			
43	MT43	Nói đúng họ, tên, ngày sin giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Hoạt động học: - Tìm hiểu về gia đình của bé - Ngôi trường bé yêu - Lớp học của bé - Trường Tiểu học - Tìm hiểu đồ dùng học tập của bé - Tìm hiểu "Công việc của người lớn trong trường mầm non" -Tìm hiểu "về trường tiểu học của bé" - Lớp học của bé Hoạt động khác: - Ngày sinh nhật của bé - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
44	MT44	1.2. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Nói được địa chỉ số nhà của gia đình	
45	MT45	1.3. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.	
46	MT46	1.4. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
47	MT47	1.5. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Nói được đặc điểm của bạn trong lớp	
48	MT48	1.6. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương			
49	MT49	2. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	Hoạt động học: - Tìm hiểu về người bán hàng và người mua hàng - Ước mơ của bé - Tìm hiểu về Bác Nông dân - Tìm hiểu về Chú Công nhân - Tìm hiểu về Chú bộ đội và công an Hoạt động khác: - Trò chuyện về nghề bán hàng - Trò chuyện về công việc của cô. Chú nhận viên trong siêu thị.

			- Kể một số nghề phổ biến nơi trẻ sống - Trò chuyện về ước mơ của trẻ - Trò chuyện về thái độ và cách giao tiếp của trẻ khi đi mua hàng.
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh			
50	MT50	3.1. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	Hoạt động học: - Trò chuyện về Trung thu của bé - Tìm hiểu về phong tục tập quán của ngày tết - Tìm hiểu về đặc trưng của ngày tết nguyên đán - Tìm hiểu về Bác Hồ của bé - Tìm hiểu khu phố của bé - Tìm hiểu "Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Dĩ An- Bình Dương" - Tìm hiểu" thủ đô của bé".
51	MT51	3.2. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Hoạt động khác: - Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) - Ngày khai giảng năm học mới 5/9 - Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 - Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 - Ngày quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 - Lễ hội tết nguyên đán - Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 - Ngày giải phóng Miền Nam 30/4 - quốc tế lao động 1/5 - Lễ tổng kết năm học - Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 - Ngày sinh nhật Bác Hồ
d) Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên			
52	MT52	Chỉ số 94. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	
53	MT53	Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện	

		tượng tự nhiên đơn giản sắp xếp xảy ra.	
Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội			
54	MT54	Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.	
55	MT55	Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	
56	MT56	Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	
Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình			
57	MT57	Chỉ số 99. Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.	
58	MT58	Chỉ số 100. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em.	
59	MT59	Chỉ số 101. Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	
60	MT60	Chỉ số 102. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.	
61	MT61	Chỉ số 103. Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	
Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo			
62	MT62	Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	
Chuẩn 24. Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian			
63	MT63	Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	
64	MT64	Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.	

Chuẩn 25. Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian

65	MT65	Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.	
66	MT66	Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.	
67	MT67	Chỉ số 110. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.	
68	MT68	Chỉ số 111. Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	

Chuẩn 26. Trẻ tò mò và ham hiểu biết

69	MT69	Chỉ số 112. Hay đặt câu hỏi.	
70	MT70	Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	

Chuẩn 27. Trẻ thể hiện khả năng suy luận

71	MT71	Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.	
72	MT72	Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	
73	MT73	Chỉ số 116. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	

Chuẩn 28. Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo

74	MT74	Chỉ số 118. Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình.	
75	MT75	Chỉ số 119. Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	
76	MT76	Chỉ số 120. Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.	

III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ**Các chuẩn thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp****Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc**

95	MT95	Chỉ số 84. "Đọc" theo truyện	
----	------	------------------------------	--

		tranh đã biết.	
96	MT96	Chỉ số 85. Biết kể chuyện theo tranh.	
Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết			
97	MT97	Chỉ số 86. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.	
1. Nghe hiểu lời nói			
77	MT77	1.1. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	Hoạt động học: - TH “Các loại PTGT” - Tìm hiểu về “ Một số con vật sống trên cạn -Tìm hiểu “Một số con vật sống dưới nước” - Tìm hiểu về “ Một số con vật sống trong rừng -Tìm hiểu về “ Một số con vật sống trên cây” -Tìm hiểu “Cây xanh quanh bé” -Tìm hiểu về một số loại hoa - Tìm hiểu về một số cây ăn quả - Tìm hiểu về “Một số loại rau” ”Tìm hiểu về một số đồ dùng trong gia đình Tìm hiểu về “đồ dùng học tập của bé” - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Hoạt động khác: - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.
78	MT78	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..).	
79	MT79	1.3. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày			
80	MT80	2.1. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	Hoạt động học: - Thơ: Gà con học chữ - Thơ: Thương ông - Thơ: Bé trồng cây - Thơ: Mùa xuân
81	MT81	2.2. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, ... phù hợp với ngữ cảnh.	
82	MT82	2.3. Dùng được câu đơn, câu	

		ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh, ...	- Thơ: Đi học - Thơ: Những ngón chân xinh - Thơ: Bé làm bao nhiêu nghề - Thơ: Làm nghề như bố
83	MT83	2.4. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Thơ: Cá ngủ ở đâu - Thơ: Cô dạy con
84	MT84	2.5. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao, trong các chủ đề	- Thơ: Về quê - Thơ: Ảnh Bác
85	MT85	2.6. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	LQVH Chuyện” Mèo con và quyển sách” LQVH Chuyện” Giấc mơ kì lạ” -LQVH Chuyện” Ba cô gái”
86	MT86	2.7. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	
87	MT87	2.8. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- PTNN” Ngày hội đến trường của bé” - Kể Chuyện” Đồ dùng vệ sinh của bé” - Kể Chuyện theo tranh ” Đồ dùng gia đình của bé” - LQVH Chuyện” Sự tích hoa hồng - LQVH Chuyện” Cây vú sữa” - Kể Chuyện theo tranh ” Vườn rau của bà” - Kể chuyện sáng tạo” Ước mơ của bé” Kể chuyện sáng tạo” Bé đi chơi tết” - LQVH Chuyện” Hai anh em” - Kể chuyện sáng tạo” Chú bộ đội chú công an” - Kể chuyện sáng tạo” Khu phố của bé” - Kể Chuyện theo tranh ” Các mùa trong năm” Kể Chuyện theo tranh ” Luật lệ đi đường” -LQVH Chuyện” Sự tích ngày và đêm - kể chuyện theo đồ vật đồ dùng học tập của học sinh lớp 1
88	MT88	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	Hoạt động khác: - Trò chuyện về các hiện tượng thiên nhiên quanh bé. - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.

			- Kể lại câu chuyện theo trí tưởng tượng của trẻ, theo cách của trẻ. - Kể lại câu chuyện theo trí tưởng tượng của trẻ, theo cách của trẻ. TRUYỆN:+ Thông qua hoạt động văn học: Kể chuyện sáng tạo về chủ đề “Trường mầm non” và “Bạn bè của bé”. + Truyện: “Anh chàng mèo mướp”: Trẻ chọn mặt nạ để cùng nhau kể chuyện theo các tuyến nhân vật mà trẻ thích. + Kể chuyện sáng tạo: "ước mơ của tí" ở góc thư viện để sáng tạo ra những ngành nghề bé thích trong câu chuyện. chuyện " Chú cuội cung trăng" + Thơ: Lời chào; Cháu chào ông ạ; * Hoạt động mọi lúc mọi nơi: - Tạo tình huống để trẻ được sử dụng đúng các từ “cảm ơn, xin lỗi, thưa, dạ...” phù hợp với tình huống hoàn cảnh. * Hoạt động mọi lúc mọi nơi: - Trò chuyện và dạy trẻ cách chào hỏi trong cuộc sống - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
3. Làm quen với đọc, viết			
89	MT89	3.1. Chọn sách để “đọc” và xem.	Hoạt động học: + Làm quen chữ cái o,ô,ơ (Tiết 1,2,3) + Làm quen chữ cái a,ă,â (Tiết 1,2,3) + Làm quen chữ cái e,ê (Tiết 1,2,3) + Làm quen chữ cái u,ư (Tiết 1,2,3) + Làm quen chữ cái i,t,c (Tiết 1) + Làm quen chữ cái i,t,c (Tiết 2,3) + Làm quen chữ cái b,d,đ (Tiết 1,2,3) + Làm quen chữ cái n,m (Tiết 1,2,) + Làm quen chữ cái n,m (Tiết 3)
90	MT90	3.2. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	
91	MT91	3.3. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	
92	MT92	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	
93	MT93	3.5. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. Tô chữ	

		các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt	+ Làm quen chữ cái l,h,k (Tiết 1) + Làm quen chữ cái l,h,k (Tiết 2,3) + Làm quen chữ cái p,q (Tiết 1,2) + Làm quen chữ cái p,q (Tiết 3) + Làm quen chữ cái g,y (Tiết 1,2) + Làm quen chữ cái g,y (Tiết 3) + Làm quen chữ cái s,x (Tiết 1,2,3) + Làm quen chữ cái v,r (Tiết 1,2,3)
94	MT94	3.6. Tô, đồ các nét chữ cái, chữ số, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	Hoạt động khác: - Thảo luận và xây dựng và đọc sách ở góc thư viện + Thông qua hoạt động văn học: Kể chuyện sáng tạo về chủ đề “Trong năm học của bé - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ; Chiếc nón kỳ diệu; Chiếc hộp bí ẩn; Đặt câu đố theo tranh; Ai đang làm gì? Bạn đang nói về ai? - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân			
98	MT98	1.1. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Hoạt động học: - Khám phá một số bộ phận cơ thể - Tìm hiểu về gia đình của bé - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình: làm sản phẩm, trò chuyện, thực hành, bài tập tình huống. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn: chế độ sinh hoạt trong ngày Hoạt động khác:
99	MT99	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	
100	MT100	1.3. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	

101	MT101	1.4. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
102	MT102	1.5. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực			
103	MT103	2.1. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	Hoạt động khác: - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
104	MT104	2.2. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Bé trực nhật., Bé chơi ngoan (Cất đồ chơi ngăn nắp đúng nơi quy định) Bé chải răng đúng cách, Bé làm gì trước khi đi picnic., * TC: Thử mặc quần áo, đi giày, quàng khăn...
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
105	MT105	3.1. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Hoạt động học: KP: Tìm hiểu về (Bác Hồ của Bé) KP: Tìm hiểu “Thủ đô của bé” - Kể chuyện sự tích Hồ Gươm - Thơ :“Ảnh bác”. - Nghe hát “Viếng Lăng Bác TT vỗ nhịp “Em mơ gặp Bác Hồ” - KPXH: Tìm hiểu “Khu phố của bé Tìm hiểu “Khu di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh (Dĩ An- Bình Dương)
106	MT106	3.2. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	
107	MT107	3.3. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	
108	MT108	3.4. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	

109	MT109	3.5. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Tìm hiểu “Thủ đô của bé” Hoạt động khác: - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
110	MT110	3.6. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
111	MT111	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Hoạt động học: Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".
112	MT112	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	Hoạt động khác: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự, nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, xin lỗi khi phạm lỗi.
113	MT113	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Thể hiện sự tự tin, tự lực Thể hiện sự tự tin, tự lực
114	MT114	4.4. Biết chờ đến lượt.	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự: chế độ sinh hoạt trong ngày. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn: chế độ sinh hoạt trong ngày.
115	MT115	4.5. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
116	MT116	4.6. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn: chế độ sinh hoạt trong ngày.

5. Quan tâm đến môi trường			
117	MT117	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	Hoạt động học: - Bảo vệ chăm sóc cây cối. Bảo vệ chăm sóc con vật Hoạt động khác: KP: Bé trực nhật., Bé chơi ngoan (Cất đồ chơi ngăn nắp đúng nơi quy định) . Giữ gìn môi trường sạch sẽ - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Thực hành tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn.
118	MT118	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	
119	MT119	5.3. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	
120	MT120	5.4. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			
121	MT121	1.1. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Hoạt động học: - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Nghe hát: Cô giáo em là hoa eban” - Nghe “ Quả”, - TT Nghe hát “Gia đình nhỏ hạnh phúc to” - TT Nghe hát “Quả thị” - TT Nghe hát: " Em ra vườn rau" - TT Nghe hát “Mưa rơi” - TT Nghe hát “Đi cấy” - TT Nghe “Chú voi con ở Bản Đôn - Trọng tâm nghe hát : “ Anh phi công ơi” - TT Nghe hát “Viếng Lăng Bác - Thể hiện cảm xúc trước các tác phẩm nghệ thuật, sự vật, hiện tượng.
122	MT122	1.2. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	
123	MT123	1.3. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	

2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình

124	MT124	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hoạt động học: TT Dạy hát: “Trường chúng cháu là trường mầm non” TT Dạy hát: “Con chim vành khuyên” TT Dạy hát: “Đường về quê cũ” TT Dạy hát: “Hoa ban vào lớp” TT Dạy hát: “Đàn gà trong sân” TT Dạy hát: “Em yêu cây xanh” TT Dạy hát: “Bé chơi lông đèn” TT Dạy hát: “Tổ ấm gia đình” TT Dạy hát: “Mùa xuân ơi” TT Dạy hát: “Ai đúng ai sai” TT Dạy hát: " Bác đưa thư vui tính" TT Dạy hát: " Cháu yêu cô chú công nhân". TTVĐ múa: “em đến trường mầm non” TTVĐ múa: “Ngón tay” TTVĐ múa: “Ngôi nhà của em” TTVĐ múa: Hoa lá mùa xuân TTVĐ múa: “Ước mơ của bé” TTVĐ múa: “Bé đón tết sang” TTVĐ múa: “Cá Vàng Bơi” TTVĐ múa: “Đường về quê cũ” TTVĐ múa: “Cháu vẫn nhớ trường mầm non” - Vẽ tô màu đồ chơi trong trường mầm non - Vẽ trang trí rèm cửa lớp học - Vẽ cô giáo Vẽ trường tiểu học _ Vẽ đồ dùng học tập - Trang trí khăn quàng cổ - Vẽ chân dung người thân trong gia đình -Vẽ vườn cây ăn quả - Vẽ chú bộ đội - Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích - Vẽ con gà trống
125	MT125	2.2. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	
126	MT126	2.3. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, sử dụng các kỹ năng vẽ, tô màu, xé dán, cắt, nặn, gấp... để tạo ra sản phẩm.	
127	MT127	2.4. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	
128	MT128	2.5. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	
129	MT129	2.6. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	
130	MT130	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	
131	MT131	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	

		-Vẽ theo đề tài Dĩ An quê hương em - Cắt, dán lồng đèn - Cắt dán áo bạn trai, bạn gái - Cắt dán ngôi nhà từ các hình học - Xé dán cây ăn quả - Xé dán rau củ quả - Xé dán dây hoa - Cắt dán một số hình ảnh ngành nghề - Xé dán đàn cá bơi -Cắt dán một số con vật sống trong rừng - Cắt dán ô tô -Xé dán cột đèn giao thông Sưu tầm cắt dán tranh ảnh về quê hương thủ đô Bắc Hồ - Nặn cái làn - Nặn cái bát - Nặn theo ý thích - Tạo hình bằng dầu vân tay - Gấp hoa - Gấp thuyền buồm - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, bố cục, hình dáng và sự sáng tạo. Hoạt động khác: - Vẽ, tô màu (theo ý thích, đề tài, mẫu) - Cắt, dán (theo ý thích, đề tài, mẫu) - Xé dán (theo ý thích, đề tài, mẫu) - gấp (theo ý thích, đề tài, mẫu) - nặn (theo ý thích, đề tài, mẫu) - Tạo hình từ dầu vân tay - Tạo hình từ các nguyên vật liệu mở - Hoạt động vẽ, tô màu, xé dán, cắt, nặn, gấp... để tạo ra sản phẩm. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, bố cục, hình dáng và sự sáng tạo. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, bố cục, hình dáng và sự sáng tạo.
--	--	--

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

132	MT132	3.1. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Hoạt động học: : Trọng tâm: Dạy vỗ nhịp “ Chú bộ đội đi xa” - TT vỗ nhịp “Em đi qua ngã tư đường phố” - TT vỗ nhịp “Em mơ gặp Bác Hồ” - - Trọng tâm vỗ nhịp: Em đi qua ngã tư đường phố - Trọng tâm vỗ nhịp: Giot mua và em bé - Nói lên được các ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo khả năng và ý thích của trẻ - Trẻ đặt được tên cho sản phẩm tạo hình Hoạt động khác: - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Làm quen một số nhạc cụ quen thuộc. Luyện kỹ năng biểu diễn trên sân khấu. Tạo ra nhạc cụ từ các nguyên liệu khác nhau. Làm quen nhạc cụ dân tộc và nước ngoài. Biểu diễn những bài đã học. Tập đặt lời mới cho bài hát quen thuộc. Giao lưu âm nhạc. - Nói lên được các ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo khả năng và ý thích của trẻ - Nói lên được các ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo khả năng và ý thích của trẻ - Trẻ đặt được tên cho sản phẩm tạo hình - Trẻ đặt được tên cho sản phẩm tạo hình
133	MT133	3.2. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	
134	MT134	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
135	MT135	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	

C/ PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC:

- 1/ NHÀ TRẺ:

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
Từ 15/09/2025 đến 03/10/2025 (3 tuần)	Bé và các bạn	Bé biết nhiều thứ Các bạn của bé ở lớp Bé và các bạn cùng chơi	Từ: 15/09 – 19/09/2025 Từ: 22/09 – 26/09/2025 Từ: 29/09 – 03/10/2025	- Ngày hội đến trường của bé (05/9)
Từ 06/10/2025 đến 31/10/2025 (4Tuần)	Đồ chơi của bé	Bé vui tết trung thu Những đồ chơi quen thuộc gần gũi Những đồ chơi bé thích Đồ chơi lắp ráp	Từ: 06/10 – 10/10/2025 Từ: 13/10 – 17/10/2025 Từ: 20/10 – 24/10/2025 Từ: 27/10 – 31/10/2025	Tết trung thu Ngày sinh nhật của các bạn trong tháng (tổ chức tuần đầu tiên của tháng trong năm)
Từ 03/ 11/2025 đến 05/ 12/2025 (5 tuần)	Mẹ và những người thân yêu của bé	Mẹ của bé Người thân của bé Cô giáo là mẹ hiền Đồ dùng trong gia đình Đồ dùng cá nhân của bé	Từ: 03/11 – 07/11/2025 Từ: 10/11 – 14/11/2025 Từ: 17/11 – 21/11/2025 Từ: 24/11 – 28/11/2025 Từ: 01/11 – 05/12/2025	
Từ 08/ 12/2025 đến 19/ 12/ 2025 (2 tuần)	Các cô, các bác trong trường mầm non	Các cô các bác trong nhóm trẻ của bé Công việc của các cô	Từ:08/12 – 12/12/2025 Từ: 15/12 – 19/12/2025	- Ngày tết của các cô giáo (20/11)
Từ 22/ 12/2025	Bé thích đi bằng	Phương tiện giao thông đường bộ	Từ: 22/12 – 26/12/2025	- Ngày tết

đến 16/ 01/ 2026 (4 tuần)	phương tiện giao thông	Phương tiện giao thông đường thủy Phương tiện giao thông đường sắt Phương tiện giao thông đường hàng không	Từ: 29/12 – 02/01/2025 Từ: 05/01 – 09/01/2025 Từ: 12/01 – 16/01/2025	của các chủ bộ đội (22/12)
Từ 19/ 01/2026 đến 13/ 02/ 2026 (4 tuần).	Tết và mùa xuân	Mùa xuân đến rồi Ngày tết với bé Hoa quả, bánh ngày tết Những hoạt động trong ngày tết	Từ: 19/01 – 23/01/2026 Từ: 26/01 – 30/01/2026 Từ: 02/02 – 06/02/2026 Từ: 09/02 – 13/02/2026	
Từ 02/ 03/2026 đến 20/ 03/ 2026 (3 tuần)	Những con vật ngộ nghĩnh đáng yêu	Những con vật sống trong gia đình Một số con vật sống dưới nước Các con vật sống trong rừng	Từ: 02/03 – 06/03/2026 Từ: 09/03 – 13/03/2026 Từ: 16/03 – 20/03/2026	- Ngày tết nguyên đán
Từ 23/ 03/2025 đến 17/04/ 2026 (4 tuần)	Thế giới thực vật	Em yêu cây xanh Một số loại hoa Một số loại quả Một số loại rau	Từ: 23/03 – 27/03/2026 Từ: 30/03 – 04/04/2026 Từ: 06/04 – 10/04/2026 Từ: 13/04 – 17/04/2026	- Ngày tết của cô và mẹ (08/3)
Từ 20/ 04/2026 đến 08/ 05/ 2026 (3 tuần)	Mùa hè của bé	Thời tiết mùa hè Trang phục mùa hè Một số hoạt động trong mùa hè	Từ: 20/04 – 24/04/2026 Từ: 27/04 – 02/05/2026 Từ: 04/05 – 08/05/2026	
Từ 11/ 05/2026đến 29/ 05/ 2026	Bé lên mẫu giáo	Lớp học của bé Mừng sinh nhật Bác Hồ Bé lên mẫu giáo	Từ: 11/05 – 15/05/2026 Từ: 18/05 – 22/05/2026 Từ: 25/05 – 29/05/2026	- Ngày sinh nhật Bác. - Ngày

(3 tuần)				tổng kết năm học, Quốc tế thiếu nhi.
-----------	--	--	--	---

▪ **2/ KHỎI MÀM:**

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
Từ 15/09/2025 đến 10/10/2025 (4 tuần)	- Trường mầm non	Lớp học của bé Đồ chơi trong lớp của bé Các bạn của bé Cô giáo của em	Từ: 15/09 – 19/09/2025 Từ: 22/09 – 26/09/2025 Từ: 29/09 – 03/10/2025 Từ: 06/10 – 10/10/2025	- Ngày hội đến trường của bé (05/9)
Từ 13/10/2025 đến 7/11/2025 (4 Tuần)	- Bản thân của bé	Tôi là bạn trai hay bạn gái Cơ thể của bé Đồ dùng cá nhân của bé Bé làm gì để khỏe mạnh	Từ: 13/10 – 17/10/2025 Từ: 20/10 – 24/10/2025 Từ: 27/10 – 31/10/2025 Từ: 03/11 – 07/11/2025	Tết trung thu Ngày sinh nhật của các bạn trong tháng (tổ chức tuần đầu tiên của tháng trong năm)
Từ 10/11/2024 đến 12/ 05/2024 (4 tuần)	- Gia đình của bé	Người thân trong gia đình Ngôi nhà của bé Đồ dùng ăn uống trong gia đình Đồ dùng sinh hoạt trong gia đình	Từ: 10/11 – 14/11/2025 Từ: 17/11 – 21/11/2025 Từ: 24/11 – 28/11/2025 Từ: 01/11 – 05/12/2025	

Từ 08/12/2025 đến 02/ 01/ 2026 (4 tuần)	- Ngành nghề	Nghề nghiệp của ba mẹ Ngành nghề sản xuất Nghề lính cứu hỏa, bộ đội Nghề chăm sóc sức khỏe	Từ:08/12 – 12/12/2025 Từ: 15/12 – 19/12/2025 Từ: 22/12 – 26/12/2025 Từ: 29/12 – 02/01/2025	- Ngày tết của các cô giáo (20/11)
Từ 05/ 01/2026 đến 16/ 01/ 2026 (2 tuần)	- Nước	Vòng tuần hoàn của nước Ích lợi của nước	Từ: 05/01 – 09/01/2025 Từ: 12/01 – 16/01/2025	- Ngày tết của các chú bộ đội (22/12)
Từ 19/ 01/2026 đến 30/ 01/ 2026 (2 tuần)	Hiện tượng tự nhiên	Hiện tượng tự nhiên trong ngày Cát- đá-sỏi	Từ: 19/01 – 23/01/2026 Từ: 26/01 – 30/01/2026	
Từ 02/02/2026 đến 13/ 02/2026 (2 tuần)	- Tết và mùa xuân	- Phong tục ngày tết - Bé vui xuân	Từ: 02/02 – 06/02/2026 Từ: 09/02 – 13/02/2026	- Ngày tết nguyên đán
Từ 02/ 03/2026 đến 13/ 03/ 2026 (2 tuần).	- Thực vật	Hoa đẹp quanh bé Loại quả bé thích Một số loại rau	Từ: 02/03 – 06/03/2026 Từ: 09/03 – 13/03/2026	- Ngày tết của cô và mẹ (08/3)
Từ 16 /03/2026 đến 04/ 04/2026 (2 tuần)	- Giao thông	Giao thông đường bộ Giao thông đường thủy Giao thông đường không	Từ: 16/03 – 20/03/2026 Từ: 23/03 – 27/03/2026 Từ: 30/03 – 04/04/2026	
Từ	Động vật	Động vật nuôi	Từ: 06/04 – 10/04/2026	

06/ 04/2026 đến 02/ 05/ 2026 (4 tuần)		trong gia đình Động vật sống trong rừng Động vật nhóm côn trùng Động vật sống dưới nước	Từ: 13/04 – 17/04/2026 Từ: 20/04 – 24/04/2026 Từ: 27/04 – 02/05/2026	
Từ 11/ 05/2026 đến 29/ 05/ 2026 (3 tuần)	- Quê hương - Thủ đô - Bác Hồ	- Thủ đô Hà Nội - Quê hương Dĩ An của bé - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	Từ: 11/05 – 15/05/2026 Từ: 18/05 – 22/05/2026 Từ: 25/05 – 29/05/2026	- Ngày sinh nhật Bác. - Ngày tổng kết năm học, Quốc tế thiếu nhi

C/ PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC:

▪ 3/ KHÔI CHÔI:

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
Từ 15/09/2025 đến 03/10/2025 (3 tuần)	1/ Trường mẫu giáo của bé (3 tuần)	Lớp học của bé Sân trường của bé Người lớn trong trườn mẫu giáo	Từ: 15/09 – 19/09/2025 Từ: 22/09 – 26/09/2025 Từ: 29/09 – 03/10/2025	- Ngày hội đến trường của bé (05/9)
Từ 06/10/2025 đến 24/10/2025 (3Tuần)	2/ Bản thân của bé (3 tuần)	Tôi là ai Giác quan của bé Những món ăn bé thích	Từ: 06/10 – 10/10/2025 Từ: 13/10 – 17/10/2025 Từ: 20/10 – 24/10/2025	Tết trung thu Ngày sinh nhật của các bạn trong tháng (tổ chức tuần đầu

				tiên của tháng trong năm)
Từ 27/ 10/2025 đến 21/ 11/2025 (4 tuần)	3/ Gia đình của bé (4 tuần)	Gia đình sống chung một mái nhà Đồ dùng trong gia đình Sinh nhật người thân Nhu cầu gia đình bé	Từ: 27/10 – 31/10/2025 Từ: 03/11 – 07/11/2025 Từ: 10/11 – 14/11/2025 Từ: 17/11 – 21/11/2025	
Từ 24/ 11/2025 đến 19/ 12/ 2025 (4 tuần)	4/ Thế giới thực vật (4 tuần)	Hạt oi nảy mầm nhANH NHÉ Muôn hoa khoe sắc Nông trại của bé Qu3 bé yêu thích	Từ: 24/11 – 28/11/2025 Từ: 01/11 – 05/12/2025 Từ: 08/12 – 12/12/2025 Từ:15/12 – 19/12/2025	- Ngày tết của các cô giáo (20/11)
Từ 22/ 12/2025 đến 16/ 01/ 2026 (4 tuần)	5/ Bé tham gia giao thông (4 tuần)	Các phương tiện giao thông Bé làm quen với tính hiệu đèn giao thông Bé học luật giao thông Phân nhóm phương tiện giao thông	Từ: 22/12 – 26/12/2025 Từ: 29/12 – 02/01/2026 Từ: 05/01 09/01/2026 Từ: 12/01 – 16/01/2026	- Ngày tết của các chú bộ đội (22/12)
Từ 19/01/2026 đến 13/ 02/2026 (4 tuần)	6/ Tết – Mùa xuân (4 tuần)	Mùa xuân tươi đẹp Ngày tết quê em Lễ hội mùa xuân Bé đi chơi tết	Từ: 19/01 -23/01/2026 Từ: 26/01 -30/01/2026 Từ: 02/02 -06/02/2026 Từ: 09/02- 13/02/2026	- Ngày tết nguyên đán

Từ 02/ 03/2026 đến 20/ 03/ 2026 (3 tuần).	7/ Thế giới động vật (3 tuần)	Con vật nuôi trong gia đình Con vật sống dưới nước Con vật sống trong rừng	Từ: 02/03 – 06/03/2026 Từ: 09/03 – 13/03/2026 Từ: 16/03 – 20/03/2026	- Ngày tết của cô và mẹ (08/3)
Từ 23/ 03/2026 đến 10/ 04/ 2026 (3 tuần)	8/ Một số ngành nghề quen thuộc (3 tuần)	Bác sĩ - Y tá Nghề bán hàng Nghề truyền thống	Từ: 23/03 – 27/03/2026 Từ: 30/03 – 04/04/2026 Từ: 06/04 – 10/04/2026	
Từ 13/ 04/2025 đến 01/05/ 2026 (3 tuần)	9/ Thiên nhiên quanh bé (3 tuần)	Nước – Không khí – Ánh sáng Ngày và đêm Các hiện tượng thiên nhiên	Từ: 13/04 – 17/04/2026 Từ: 20/04 – 24/04/2026 Từ: 27/04 – 01/05/2026	
Từ 04/ 05/2026 đến 15/ 05/ 2026 (2 tuần)	10/ Quê hương Dĩ An (2 tuần)	Quê hương Dĩ An Nhà máy toa xe	Từ 04/05-08/05/2026 Từ: 11/05 – 15/05/2026	
Từ 18/ 05/2026 đến 29/ 05/ 2026 (2 tuần)	11/ Thủ Đô – Bác Hồ (2 tuần)	Thủ đô Bác Hồ Bác Hồ kính yêu	Từ: 18/05 – 22/05/2026 Từ: 25/05 – 29/05/2026	- Ngày sinh nhật Bác. - Ngày tổng kết năm học, Quốc tế thiếu nhi.

C/ PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ CỦA NĂM HỌC:

▪ **4/ KHỐI LÁ:**

THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN	GHI CHÚ
Từ		Ngôi trường bé	Từ: 15/09 – 19/09/2025	- Ngày hội

15/09/2025 đến 03/10/2025 (3 tuần)	- Trường mầm non của bé	yêu Lớp học của bé Công việc của người lớn trong trường mầm non	Từ: 22/09 – 26/09/2025 Từ: 29/09 – 03/10/2025	đến trường của bé (05/9)
Từ 06/10/2025 đến 24/10/2025 (3Tuần)	- Bản thân của bé	-Bé Vui Trung Thu Cơ thể của bé Sự kỳ diệu của các giác quan	Từ: 06/10 – 10/10/2025 Từ: 13/10 – 17/10/2025 Từ: 20/10 – 24/10/2025	Tết trung thu Ngày sinh nhật của các bạn trong tháng (tổ chức tuần đầu tiên của tháng trong năm)
Từ 27/ 10/2025 đến 14/ 11/2025 (3 tuần)	- Gia đình của bé	Gia đình bé ở Các kiểu nhà bé thích Nhu cầu của gia đình	Từ: 27/10 – 31/10/2025 Từ: 03/11 – 07/11/2025 Từ: 10/11 – 14/11/2025	
Từ 17/ 11/2025 đến 19/ 12/ 2025 (5 tuần)	- Em yêu ngành nghề	Người bán hàng và người mua hàng Cô giáo và ước mơ của bé Cô chú công nhân Bé yêu bác nông dân Chú bộ đội, chú công an	Từ: 17/11 – 21/11/2025 Từ: 24/11 – 28/11/2025 Từ: 01/11 – 05/12/2025 Từ: 08/12 – 12/12/2025 Từ:15/12 – 19/12/2025	- Ngày tết của các cô giáo (20/11)
Từ 22/ 12/2025 đến	Em yêu thực vật	Cây xanh quanh bé Hoa thơm khoe	Từ: 22/12 – 26/12/2025 Từ: 29/12 – 02/01/2026	- Ngày tết của các chú

16/ 01/ 2026 (4 tuần)		sắc Quả chín thơm ngon Vườn Rau Củ Bé	Từ: 05/01 09/01/2026 Từ: 12/01 – 16/01/2026	bộ đội (22/12)
Từ 19/01/2026 đến 30/ 01/2026 (2 tuần)	Thiên nhiên và bầu trời	Thứ tự các mùa trong năm Ngày và đêm	Từ: 19/01 -23/01/2026 Từ: 26/01 -30/01/2026	
Từ 02/ 02/2026 đến 13/ 02/ 2026 (2 tuần).	- Tết và mùa xuân	Lễ hội mùa xuân Bé đi chúc tết	Từ: 02/02 -06/02/2026 Từ: 09/02- 13/02/2026	- Ngày tết nguyên đán
Từ 02/ 03/2026 đến 20/ 03/ 2026 (4 tuần)	Phương tiện và qui định giao thông	Các loại phương tiện giao thông Luật đi đường cho bé An toàn cho bé	Từ: 02/03 – 06/03/2026 Từ: 09/03 – 13/03/2026 Từ: 16/03 – 20/03/2026	- Ngày tết của cô và mẹ (08/3)
Từ 23/ 03/2025 đến 17/04/ 2026 (4 tuần)	Những con vật em yêu	- Động vật sống trong nhà -Động vật sống dưới nước -Động vật sống trong rừng - Các loại côn trùng	Từ: 23/03 – 27/03/2026 Từ: 30/03 – 04/04/2026 Từ: 06/04 – 10/04/2026 Từ: 13/04 – 17/04/2026	
Từ 20/ 04/2026 đến 15/ 05/ 2026 (4 tuần)	Quê hương - Thủ đô – Bác Hồ	- Khu phố của bé - Thủ đô Hà Nội - Quê hương và thủ đô của bé - Bác hồ của bé	Từ: 20/04 – 24/04/2026 Từ: 27/04 – 01/05/2026 Từ 04/05-08/05/2026 Từ: 11/05 – 15/05/2026	
Từ		- Trường tiểu học	Từ: 18/05 – 22/05/2026	- Ngày

18/ 05/2026 đến 29/ 05/ 2026 (2 tuần)		của bé - Một số đồ dùng học tập của bé ở lớp một	Từ: 25/05 – 29/05/2026	sinh nhật Bác. - Ngày tổng kết năm học, Quốc tế thiếu nhi.
---	--	---	------------------------	--

D/ PHẦN IV: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT:

▪ 1/ KHỐI NHÀ TRẺ:

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT – NHÀ TRẺ

NỘI DUNG	THỜI GIAN
Đón trẻ - Thẻ dực sáng - Điểm danh	7g00 – 7g55
Hoạt động học	8g – 8g30
Hoạt động ngoài trời	8g35 – 9g5
Hoạt động góc	9g10 – 9g50
Vệ sinh ăn ngủ	9g55 – 11g00
Ngủ trưa	11g5 – 13g30
Vận động nhẹ - ăn xế	13g35 – 14g5
Hoạt động chiều	14g10 – 14g40
Ăn chiều	14g45 – 15g15
Nêu gương	15g20 – 15g50
Trả trẻ	15g55 -17g00

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT – TỔ KHỐI MÀM

NỘI DUNG	THỜI GIAN
Đón trẻ - Thể dục sáng - Điểm danh	7g00 – 7g55
Hoạt động ngoài trời	8g – 8g30
Hoạt động học	8g35 – 9g5
Hoạt động góc	9g10 – 9g50
Vệ sinh ăn ngủ	9g55 – 11g00
Ngủ trưa	11g5 – 13g30
Vận động nhẹ - ăn xế	13g35 – 14g5
Hoạt động chiều	14g10 – 14g40
Ăn chiều	14g45 – 15g15
Nêu gương	15g20 – 15g50
Trả trẻ	15g55 -17g00

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT – TỔ KHỐI CHỒI

NỘI DUNG	THỜI GIAN
Đón trẻ - Thể dục sáng - Điểm danh	7g00 – 7g55
Hoạt động ngoài trời	8g – 8g30
Hoạt động học	8g35 – 9g5
Hoạt động góc	9g10 – 9g50
Vệ sinh ăn ngủ	9g55 – 11g00
Ngủ trưa	11g5 – 13g30
Vận động nhẹ - ăn xế	13g35 – 14g5
Hoạt động chiều	14g10 – 14g40
Ăn chiều	14g45 – 15g15
Nêu gương	15g20 – 15g50
Trả trẻ	15g55 -17g00

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT – TỔ KHỐI LÁ

NỘI DUNG	THỜI GIAN
Đón trẻ - Thể dục sáng - Điểm danh	7g00 – 7g55
Hoạt động ngoài trời	8g – 8g30
Hoạt động học	8g35 – 9g5
Hoạt động góc	9g10 – 9g50
Vệ sinh ăn ngủ	9g55 – 11g00
Ngủ trưa	11g5 – 13g30
Vận động nhẹ - ăn xế	13g35 – 14g5
Hoạt động chiều	14g10 – 14g40
Ăn chiều	14g45 – 15g15
Nêu gương	15g20 – 15g50
Trả trẻ	15g55 -17g00

KẾ HOẠCH THAO GIẢNG

Năm học: 2025 - 2026

THÁNG	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	LỚP	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
09	Trịnh Thị Lan Phương Trần Thị Kim Hoà Vũ Thị Thu	Mầm 4 Chồi 1 Lá 2		
10	Thiều Thị Hoa Ngô Nguyễn Thanh Trúc Nguyễn Thị Hương Lê Thị Hiền Lường Thị Vân Dương Mỹ Tiên	Mầm 3 Chồi 4 Lá 7 Mầm 5 Chồi 6 Lá 3		
11	Nguyễn Thị Thanh Trúc Ngô Thị Quý Dung Nguyễn Thị Ngọc Dung Phạm Thị Thuỳ Linh	Nhóm 1A Mầm 1 Lá 5 Chồi 3		

	Nguyễn Thị Quỳnh Trang Mai Lệ Nhiên	Lá 1 Lá 4		
12	Võ Ngọc Lan Hương Nguyễn Thị Lan Nguyễn Thị Khuyên Trần Ngọc Giàu Đặng Thị Hoa Trần Thị Ngân	Nhóm 1 B Mâm 5 Chôi 5 Mâm 2 Lá 5 Lá 4		
01 + 02	Mai Thị Liên Nguyễn Thị Hồng Vinh Đỗ Thanh Tuyết Vũ Thị Kim Oanh Lâm Thị Châu Oanh Nguyễn Thị Thu Hiền	Mâm 4 Chôi 2 Lá 2 1B Mâm 1 Lá 7		
03	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyễn Thị Mỹ Duyên Nguyễn Thị Hiền Võ Thị Trang Châu Thị Hồng Sương Lê Thị Hoà	Nhóm 1A Mâm 3 Lá 3 Chôi 6 Chôi 4 Lá 1		
04	Nguyễn Thị Thu Hương Mã Thị Châu Lương Thị Khuê Phan Thị Thuý Hằng Nguyễn Thị Hà	Mâm 2 Chôi 1 Chôi 2 Chôi 6 Lá 6		
05	Lê Thị Tân Nguyễn Thị Hương Phạm Thị Linh	Chôi 5 Chôi 2 Lá 6		

KẾ HOẠCH KIỂM TRA NỘI BỘ

Năm học: 2025 - 2026

I/ MỤC ĐÍCH:

- Căn cứ vào nội dung thanh tra của trường
- Căn cứ vào tình hình thực tế của trường mầm non hoa hồng 3

- Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, và đánh giá việc thực hiện qui chế chế chuyên môn do Bộ Giáo dục và đào tạo đề ra đối với cán bộ giáo viên mầm non. Nay bộ phận chuyên môn của trường đã đề ra kế hoạch kiểm tra đối với giáo viên của trường như sau:

II/ NỘI DUNG KIỂM TRA

* Trình độ nghiệp vụ:

- Cần phải nắm vững nội dung chương trình chăm sóc giáo dục trẻ, nắm vững những kiến thức kỹ năng cần thiết để cung cấp cho trẻ
- Nắm vững các phương pháp, biện pháp đổi mới hình thức tổ chức chăm sóc và giáo dục trẻ
- Cần có sự đầu tư nghiên cứu sáng tạo trong soạn giảng, làm đồ dùng đồ chơi
- Có những sáng kiến kinh nghiệm và áp dụng kiến thức đó trong chăm sóc giáo dục trẻ

* Thực hiện qui chế chuyên môn

- Có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách ký duyệt đúng qui định
- Thực hiện đúng chế độ sinh hoạt hàng ngày - Có đầu tư soạn giảng đạt yêu cầu
- Làm đồ dùng đồ chơi đầy đủ phục vụ cho các tiết dạy, không dạy chay
- Thực hiện giờ nào việc nấy, không cắt xén chương trình, bỏ giờ, bỏ tiết
- Ổn định tốt nề nếp lớp, rèn cho cháu thực hiện tốt các nề nếp học tập, ăn ngủ, sinh hoạt, thao tác vệ sinh

* Công tác phối hợp với phụ huynh và công tác khác

- Thường xuyên liên lạc với phụ huynh trao đổi về các mặt sinh hoạt của trẻ.
- Tuyên truyền về cách chăm sóc và dạy trẻ
- Nhiệt tình tham gia các phong trào do chính quyền và đoàn thể phát động

* Kết quả chăm sóc và giáo dục trẻ

- Trẻ có nề nếp, thói quen về học tập, ăn ngủ, vệ sinh, lễ phép
- Nhận thức, hiểu biết về môi trường xung quanh, môi trường xã hội, những kiến thức cơ bản cần thiết trong cuộc sống
- Tình cảm cháu biết yêu thương những người thân trong gia đình, những người gần gũi. Biết giúp đỡ bạn bè, yêu thương bạn bè - Đạt kỹ năng chất lượng của trẻ về mọi mặt trong học tập và sinh hoạt
- Trẻ suy dinh dưỡng tăng kênh, đa số các cháu tăng cân hàng tháng

KẾ HOẠCH KIỂM TRA CỤ THỂ

Năm học: 2025 - 2026

THÁNG	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN	LỚP	XẾP LOẠI	GHI CHÚ
-------	---------------------	-----	----------	---------

09	Lê Thị Tân Phạm Thị Linh	Chòi 5 Lá 6		
10	Lương Thị Khuê Nguyễn Thị Thu Hương Phạm Thị Thùy Linh	Chòi 2 Mâm 2 Lá 6		
11	Mai Thị Liên Đỗ Thanh Tuyết	Mâm 4 Lá 2		
12	Nguyễn Thị Hồng Vân Châu Thị Hồng Sương Nguyễn Thị Hà	1A Chòi 4 Lá 6		
01 +02	Nguyễn Thị Thanh Trúc Nguyễn Thị Lan Đương Mỹ Tiên	1A Mâm 5 Lá 3		
03	Thiều Thị Hoa Đặng Thị Hoa Nguyễn Thị Hương	Mâm 3 Lá 5 Lá 7		
04	Lâm Thị Châu Oanh Nguyễn Thị Hồng Vinh	Mâm 1 Chòi 2		
05	Mã Thị Châu Trần Thị Ngân	Chòi 1 Lá 4		

HIỆU TRƯỞNG

Đông hòa, ngày 08 tháng 09 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thùy Ngọc

Đỗ Thị Ánh Tuyết

